TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ;
BÀI THU HOẠCH NGHIÊN CỨU THỰC TẾ;
THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa
1	Nguyễn Thị	An	01	Nghỉ học	Chưa nộp bài	Không đủ đk dự thi
2	Nguyễn Phong	An	02	7,5	7,5	7,5
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	8,75	8,0
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	7,0	8,75	8,5
5	Hoàng Văn	Châu	05	7,5	8,0	8,5
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	7,5	7,5	8,0
7	Trần Quang	Đạt	07	8,5	7,5	7,5
8	Hà Văn	Đề	08	8,5	7,5	8,0
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	8,5	8,0
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,0	7,5	7,0
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	8,0	8,5	7,5
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	7,5	7,5	7,5
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	8,0	7,0	7,5
14	Đặng Thị	Giang	15	8,5	8,0	8,5
15	Võ Thị Thu	Giang	16	8,0	7,0	7,5
16	Nguyễn Văn	Giang	17	Không đủ đk dự thi	8,75	8,0
17	Cao Thị Hương	Giang	18	7,5	7,5	7,0
18	Nguyễn Đức	Hà	19	7,0	8,5	8,5
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,5	8,5	7,0
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	8,0	8,0	8,0
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	7,5	8,5
22	Lê Thanh	Hải	23	8,0	7,5	7,5
23	Lê Thị	Hiên	24	7,5	8,0	8,0
24	Trần Thị Thúy	Hiền	25	7,5	8,0	7,0

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa
25	Trần Thị	Hiền	26	8,0	8,0	7,5
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	8,0	8,75	7,0
27	Võ Thị	Hoa	28	7,5	7,5	7,5
28	Dương Thị	Hoa	29	8,0	7,5	8,0
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	8,0	7,0	8,0
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	8,5	8,0	7,5
31	Phan Đình	Hợp	32	Không đủ đk dự thi	Chưa nộp bài	Không đủ đk dự thi
32	Trần Thị	Hương	33	8,0	7,5	8,0
33	Nguyễn Thị	Hương	34	8,0	8,0	8,0
34	Cao Thị	Hương	35	8,5	8,0	8,0
35	Lê Thị	Hường	36	8,0	7,5	7,5
36	Trần Thị	Hường	37	8,0	8,0	7,5
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	8,5	8,0	8,0
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,5	8,5	8,5
39	Nguyễn Công	Kiên	40	8,0	7,0	8,5
40	Trần Thị	Lài	41	8,5	8,0	8,0
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,5	7,5	8,0
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,5	8,0	8,0
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	7,5	7,5	8,0
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	8,0	8,5	7,5
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	7,5	7,5	7,5
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	7,5	7,5	7,5
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,5	8,0	8,5
48	Lê Thị	Mai	49	8,0	8,5	8,0
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	7,5	8,5	8,0
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	7,5	8,0	8,0
51	Tô Thị	Nga	52	7,0	8,0	7,0
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	8,0	8,5	8,0
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	8,0	7,5	8,5
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,0	7,5	7,0
55	Trần Thị	Nhung	56	7,5	8,0	7,0

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa
56	Trần Thị	Ninh	57	7,5	7,5	8,0
57	Phan Thị Mai	Phương	59	7,0	8,0	7,5
58	Võ Đức	Tài	60	7,5	7,5	7,5
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	8,0	8,5	8,0
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	7,0	8,0	7,5
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	8,5	8,5
62	Lê Hoài	Thơm	64	8,0	8,5	8,0
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,5	7,5	7,0
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	7,0	8,0	7,5
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	8,5	7,5	8,5
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	7,5	8,0	8,0
67	Lê Hữu	Tiến	70	8,5	8,5	8,5
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	7,5	8,0	7,0
69	Lê Thị	Vân	72	8,0	8,0	7,0
70	Trần Thế	Vinh	73	8,0	7,5	7,5
71	Hồ Thị	Xuân	74	7,5	7,5	7,5
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	8,0	8,0	7,5
73	Lê Thị	Thủy	76	7,5	8,0	8,0
74	Lê Thị	Hải	77	8,0	8,0	8,5
75	Lê Xuân	Hải	78	8,5	8,5	8,5
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	7,5	7,0	7,5
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,0	8,5	7,5
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	8,5	7,5	8,5
79	Võ Thị	Thủy	82	7,0	8,0	8,0

Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Xuân Bé	Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; XÂY DỰNG ĐẢNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Xây dựng Đảng	
1	Nguyễn Thị	An	01	7,5	7,5	
2	Nguyễn Phong	An	02	8,0	7,5	
3	Trần Ngọc	An	03	8,0	8,5	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	7,5	7,0	
5	Hoàng Văn	Châu	05	8,5	7,0	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	8,0	7,0	
7	Trần Quang	Đạt	07	7,5	7,0	
8	Hà Văn	Đề	08	7,5	8,0	
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	7,0	
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,0	7,5	
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	8,0	7,5	
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	7,5	8,0	
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	8,0	8,0	
14	Đặng Thị	Giang	15	8,5	8,0	
15	Võ Thị Thu	Giang	16	7,5	7,0	
16	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	7,0	
17	Cao Thị Hương	Giang	18	8,0	7,0	
18	Nguyễn Đức	Hà	19	8,0	8,5	
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	8,0	7,5	
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	7,5	7,0	
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	7,0	
22	Lê Thanh	Hải	23	8,0	8,0	
23	Lê Thị	Hiên	24	8,5	7,5	
24	Trần Thị Thúy	Hiền	25	7,5	7,5	
25	Trần Thị	Hiền	26	8,0	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Xây dựng Đảng	
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	7,5	7,0	
27	Võ Thị	Hoa	28	8,0	7,5	
28	Dương Thị	Hoa	29	8,0	8,0	
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	7,5	7,0	
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	7,5	7,5	
31	Phan Đình	Hợp	32	Vắng thi	Không đủ điều kiện dự thi	
32	Trần Thị	Hương	33	8,0	7,0	
33	Nguyễn Thị	Hương	34	8,5	7,5	
34	Cao Thị	Hương	35	8,0	7,5	
35	Lê Thị	Hường	36	7,5	7,0	
36	Trần Thị	Hường	37	7,5	7,5	
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	8,0	7,5	
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,5	8,0	
39	Nguyễn Công	Kiên	40	7,5	8,0	
40	Trần Thị	Lài	41	8,5	7,0	
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,0	8,0	
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,0	7,5	
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,0	8,0	
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	7,5	7,5	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	7,5	8,0	
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	7,5	7,5	
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,5	7,5	
48	Lê Thị	Mai	49	8,0	7,5	
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	8,0	8,0	
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	8,0	7,5	
51	Tô Thị	Nga	52	7,5	7,5	
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	8,0	7,5	
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	Không đủ điều kiện dự thi	8,0	
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,5	7,0	
55	Trần Thị	Nhung	56	7,0	7,5	
56	Trần Thị	Ninh	57	8,0	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Xây dựng Đảng	
57	Phan Thị Mai	Phương	59	7,0	7,5	
58	Võ Đức	Tài	60	7,5	7,5	
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	8,0	8,0	
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	7,5	8,0	
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	8,5	
62	Lê Hoài	Thơm	64	8,0	8,0	
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,5	7,5	
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	7,5	7,5	
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	8,5	8,5	
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	7,5	7,0	
67	Lê Hữu	Tiến	70	7,0	7,0	
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	8,0	Không đủ điều kiện dự thi	
69	Lê Thị	Vân	72	7,5	7,5	
70	Trần Thế	Vinh	73	7,5	7,0	
71	Hồ Thị	Xuân	74	7,5	8,0	
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	7,5	7,0	
73	Lê Thị	Thủy	76	7,5	7,5	
74	Lê Thị	Hải	77	8,5	8,0	
75	Lê Xuân	Hải	78	7,5	8,0	
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	7,5	7,5	
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,0	7,0	
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	8,0	7,5	
79	Võ Thị	Thủy	82	8,0	7,5	

Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Xuân Bé	Nguyễn Trọng Tứ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ TỈNH ỦY HÀ TĨNH

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC; ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM; KIẾN THỨC BỔ TRỢ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Quản lý hành chính nhà nước	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Kiến thức bổ trợ
1	Nguyễn Thị	An	01	7,5	7,5	Vắng thi
2	Nguyễn Phong	An	02	7,5	7,0	7,5
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	7,5	8,5
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	8,0	8,50	8,0
5	Hoàng Văn	Châu	05	8,5	8,0	8,5
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	8,0	8,0	8,0
7	Trần Quang	Đạt	07	8,5	8,5	8,5
8	Hà Văn	Đề	08	7,5	8,0	8,5
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	8,0	8,0
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,5	7,5	7,5
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	8,0	8,0	8,0
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	8,5	8,0	8,0
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	8,0	7,5	8,0
14	Đặng Thị	Giang	15	8,5	8,5	8,5
15	Võ Thị Thu	Giang	16	7,0	7,5	7,5
16	Nguyễn Văn	Giang	17	8,0	7,50	7,5
17	Cao Thị Hương	Giang	18	8,0	8,0	8,0
18	Nguyễn Đức	Hà	19	7,5	7,5	8,0
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,5	7,5	8,0
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	8,0	8,0	8,0
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	8,5	8,5
22	Lê Thanh	Hải	23	8,0	8,0	7,5
23	Lê Thị	Hiên	24	8,0	8,0	8,0
24	Trần Thị Thúy	Hiền	25	8,0	7,5	7,5

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Quản lý hành chính nhà nước	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Kiến thức bổ trợ
25	Trần Thị	Hiền	26	8,0	7,5	7,5
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	8,0	7,0	7,0
27	Võ Thị	Hoa	28	8,0	7,5	7,5
28	Dương Thị	Hoa	29	8,0	7,5	8,0
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	8,0	7,0	8,0
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	8,0	7,0	8,0
31	Phan Đình	Hợp	32	Không đủ đk dự thi	Không đủ đk dự thi	Không đủ đk dự thi
32	Trần Thị	Hương	33	7,5	7,5	7,5
33	Nguyễn Thị	Hương	34	7,5	8,0	7,0
34	Cao Thị	Hương	35	8,5	8,0	7,5
35	Lê Thị	Hường	36	8,0	7,5	7,5
36	Trần Thị	Hường	37	8,0	7,5	7,5
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	8,0	7,5	8,0
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,5	8,5	9,0
39	Nguyễn Công	Kiên	40	8,5	8,5	8,5
40	Trần Thị	Lài	41	8,5	7,5	8,0
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,5	8,0	8,0
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,0	8,0	8,0
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,0	8,0	8,0
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	7,5	7,5	8,0
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	8,0	7,5	8,0
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	7,5	7,5	7,5
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,5	8,5	8,5
48	Lê Thị	Mai	49	8,5	8,0	8,0
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	8,5	8,0	8,0
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	8,0	8,5	7,5
51	Tô Thị	Nga	52	8,0	7,5	7,0
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	8,0	8,0	7,5
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	7,5	8,5	7,5
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,5	7,5	7,0
55	Trần Thị	Nhung	56	7,0	7,5	7,0

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Quản lý hành chính nhà nước	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Kiến thức bổ trợ
56	Trần Thị	Ninh	57	8,0	8,0	8,0
57	Phan Thị Mai	Phương	59	8,0	7,5	7,0
58	Võ Đức	Tài	60	7,5	7,5	7,5
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	8,0	7,5	7,5
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	8,0	7,5	7,5
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	8,5	8,5
62	Lê Hoài	Thơm	64	8,5	7,5	8,5
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,5	7,5	8,0
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	7,5	7,5	8,0
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	8,5	8,5	8,5
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	8,0	8,0	8,0
67	Lê Hữu	Tiến	70	8,5	8,0	8,5
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	Không đủ đk dự thi	8,0	8,0
69	Lê Thị	Vân	72	8,0	8,0	8,0
70	Trần Thế	Vinh	73	8,0	7,5	7,5
71	Hồ Thị	Xuân	74	8,0	7,0	8,0
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	7,5	7,5	7,5
73	Lê Thị	Thủy	76	8,0	7,5	8,0
74	Lê Thị	Hải	77	8,0	8,0	8,0
75	Lê Xuân	Hải	78	8,5	8,5	8,5
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	7,5	7,5	7,5
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	7,5	7,5	8,0
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	8,5	8,5	8,5
79	Võ Thị	Thủy	82	7,5	7,5	7,5

Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Xuân Bé	Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM, LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	
1	Nguyễn Thị	An	01	7,5	8,0	
2	Nguyễn Phong	An	02	7,5	8,0	
3	Trần Ngọc	An	03	7,5	8,5	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	7,5	8,0	
5	Hoàng Văn	Châu	05	7,0	8,5	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	7,5	8,0	
7	Trần Quang	Đạt	07	8,0	8,5	
8	Hà Văn	Đề	08	8,0	8,5	
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	8,5	
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,0	8,0	
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	7,0	8,0	
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	6,5	8,0	
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	7,5	8,0	
14	Đặng Thị	Giang	15	8,0	8,5	
15	Võ Thị Thu	Giang	16	8,0	8,0	
16	Nguyễn Văn	Giang	17	6,5	8,0	
17	Cao Thị Hương	Giang	18	7,0	8,0	
18	Nguyễn Đức	Hà	19	7,5	8,5	
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,5	8,0	
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	7,0	8,5	
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	8,5	
22	Lê Thanh	Hải	23	7,5	8,5	
23	Lê Thị	Hiên	24	7,5	8,0	
24	Trần Thị Thúy	Hiền	25	8,0	8,0	
25	Trần Thị	Hiền	26	8,0	8,0	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	7,5	7,5	
27	Võ Thị	Hoa	28	7,0	8,0	
28	Dương Thị	Hoa	29	7,5	8,0	
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	7,0	8,5	
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	7,0	8,5	
31	Phan Đình	Hợp	32	7,5	7,5	
32	Trần Thị	Hương	33	7,0	7,5	
33	Nguyễn Thị	Hương	34	6,5	8,0	
34	Cao Thị	Hương	35	6,5	8,5	
35	Lê Thị	Hường	36	6,5	8,0	
36	Trần Thị	Hường	37	7,0	8,0	
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	8,5	8,5	
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,5	8,5	
39	Nguyễn Công	Kiên	40	8,5	7,5	
40	Trần Thị	Lài	41	7,5	8,5	
41	Nguyễn Thị	Lan	42	7,5	8,0	
42	Nguyễn Thị	Lan	43	7,0	8,5	
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,0	8,0	
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	7,5	7,5	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	7,5	7,5	
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	8,0	8,0	
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,5	8,5	
48	Lê Thị	Mai	49	7,5	8,0	
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	7,5	8,0	
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	8,0	8,0	
51	Tô Thị	Nga	52	7,5	7,5	
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	7,0	8,0	
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	Không đủ điều kiện dự thi	Vắng thi	
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,0	7,5	
55	Trần Thị	Nhung	56	7,5	8,5	
56	Trần Thị	Ninh	57	7,5	8,0	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	
57	Phan Thị Mai	Phương	59	7,0	8,0	
58	Võ Đức	Tài	60	7,0	7,5	
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	7,5	8,0	
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	7,0	8,0	
61	Phan Anh	Thắng	63	6,5	8,5	
62	Lê Hoài	Thơm	64	6,5	8,0	
63	Trần Th Hoài	Thu	65	6,5	8,0	
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	6,5	7,5	
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	7,0	8,0	
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	8,0	8,0	
67	Lê Hữu	Tiến	70	8,5	8,5	
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	8,0	8,0	
69	Lê Thị	Vân	72	8,5	7,5	
70	Trần Thế	Vinh	73	8,0	8,0	
71	Hồ Thị	Xuân	74	8,0	8,0	
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	7,0	8,0	
73	Lê Thị	Thủy	76	7,0	8,5	
74	Lê Thị	Hải	77	8,0	8,0	
75	Lê Xuân	Hải	78	7,5	7,5	
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	7,0	7,5	
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,0	8,0	
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	8,5	8,5	
79	Võ Thị	Thủy	82	8,0	7,5	

Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Xuân Bé	Nguyễn Trọng Tứ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
TỈNH ỦY HÀ TĨNH

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
1	Nguyễn Thị	An	01	8,0	Tám chẵn	
2	Nguyễn Phong	An	02	8,0	Tám chẵn	
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	Tám rưỡi	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	8,0	Tám chẵn	
5	Hoàng Văn	Châu	05	8,0	Tám chẵn	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	8,0	Tám chẵn	
7	Trần Quang	Đạt	07	8,0	Tám chẵn	
8	Hà Văn	Đề	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	Tám chẵn	
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,0	Bảy chẵn	
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	7,5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	8,0	Tám chẵn	
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đặng Thị	Giang	15	8,5	Tám rưỡi	
15	Võ Thị Thu	Giang	16	8,0	Tám chẵn	
16	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
17	Cao Thị Hương	Giang	18	8,0	Tám chẵn	
18	Nguyễn Đức	Hà	19	8,5	Tám rưỡi	
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	8,5	Tám rưỡi	
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	Tám rưỡi	
22	Lê Thanh	Hải	23	8,25	Tám phẩy hai lăm	
23	Lê Thị	Hiên	24	8,0	Tám chẵn	
24	Trần Thị Thúy	Hiền	25	8,0	Tám chẵn	
25	Trần Thị	Hiền	26	8,0	Tám chẵn	
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	7,5	Bảy rưỡi	

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
TỈNH ỦY HÀ TĨNH

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
27	Võ Thị	Hoa	28	7,5	Bảy rưỡi	
28	Dương Thị	Hoa	29	8,0	Tám chẵn	
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	8,5	Tám rưỡi	
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	7,5	Bảy rưỡi	
31	Phan Đình	Hợp	32	7,0	Bảy chẵn	
32	Trần Thị	Hương	33	8,0	Tám chẵn	
33	Nguyễn Thị	Hương	34	8,5	Tám rưỡi	
34	Cao Thị	Hương	35	8,0	Tám chẵn	
35	Lê Thị	Hường	36	8,0	Tám chẵn	
36	Trần Thị	Hường	37	8,0	Tám chẵn	
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	8,0	Tám chẵn	
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,0	Tám chẵn	
39	Nguyễn Công	Kiên	40	7,0	Bảy chẵn	
40	Trần Thị	Lài	41	7,0	Bảy chẵn	
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,0	Tám chẵn	
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,5	Tám rưỡi	
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,5	Tám rưỡi	
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	8,5	Tám rưỡi	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	8,0	Tám chẵn	
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	7,5	Bảy rưỡi	
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,0	Tám chẵn	
48	Lê Thị	Mai	49	8,0	Tám chẵn	
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	8,5	Tám rưỡi	
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	7,0	Bảy chẵn	
51	Tô Thị	Nga	52	8,0	Tám chẵn	
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	8,5	Tám rưỡi	
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	8,5	Tám rưỡi	
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,0	Bảy chẵn	
55	Trần Thị	Nhung	56	7,5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị	Ninh	57	8,0	Tám chẵn	
57	Phan Thị Mai	Phương	59	7,5	Bảy rưỡi	
58	Võ Đức	Tài	60	8,0	Tám chẵn	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	7,0	Bảy chẵn	
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	7,0	Bảy chẵn	
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	Tám rưỡi	
62	Lê Hoài	Thơm	64	8,0	Tám chẵn	
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,0	Bảy chẵn	
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	8,0	Tám chẵn	
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	8,5	Tám rưỡi	
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	8,0	Tám chẵn	
67	Lê Hữu	Tiến	70	8,0	Tám chẵn	
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	8,0	Tám chẵn	
69	Lê Thị	Vân	72	8,0	Tám chẵn	
70	Trần Thế	Vinh	73	7,0	Bảy chẵn	
71	Hồ Thị	Xuân	74	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	7,5	Bảy rưỡi	
73	Lê Thị	Thủy	76	8,0	Tám chẵn	
74	Lê Thị	Hải	77	8,5	Tám rưỡi	
75	Lê Xuân	Hải	78	8,5	Tám rưỡi	
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	8,0	Tám chẵn	
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,5	Tám rưỡi	
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	8,0	Tám chẵn	
79	Võ Thị	Thủy	82	7,5	Bảy rưỡi	

Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Xuân Bé	Nguyễn Trọng Tứ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
HÀ TĨNH

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
1	Nguyễn Thị	An	01	8,0	Tám chẵn	
2	Nguyễn Phong	An	02	8,0	Tám chẵn	
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	Tám rưỡi	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	7,5	Bảy rưỡi	
5	Hoàng Văn	Châu	05	7,5	Bảy rưỡi	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	7,5	Bảy rưỡi	
7	Trần Quang	Đạt	07	8,5	Tám rưỡi	
8	Hà Văn	Đề	08	7,0	Bảy chẵn	
9	Phan Tiến	Dĩnh	09	Không đủ ĐK dự thi		
10	Đinh Thị Hương	Dịu	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Phạm Văn	Đồng	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Đặng Thị Thủy	Dung	12	Không đủ ĐK dự thi		
13	Nguyễn Tiến	Dũng	13	8,0	Tám chẵn	
14	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	8,0	Tám chẵn	
15	Đặng Thị	Giang	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Võ Thị Thu	Giang	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Cao Thị Hương	Giang	18	Không đủ ĐK dự thi		
19	Nguyễn Đức	Hà	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,5	Bảy rưỡi	
21	Lê Thị Thanh	Hà	21	7,5	Bảy rưỡi	
22	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	Tám rưỡi	
23	Lê Thanh	Hải	23	Không đủ ĐK dự thi		
24	Lê Thị	Hiên	24	Không đủ ĐK dự thi		
25	Trần Thị Thúy	Hiền	25	8,0	Tám chẵn	
26	Trần Thị	Hiền	26	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
27	Đinh Thanh	Hiếu	27	Không đủ ĐK dự thi		
28	Võ Thị	Hoa	28	Không đủ ĐK dự thi		
29	Dương Thị	Hoa	29	8,0	Tám chẵn	
30	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	7,5	Bảy rưỡi	
31	Đinh Thị Thu	Hòa	31	8,0	Tám chẵn	
32	Phan Đình	Hợp	32	8,0	Tám chẵn	
33	Trần Thị	Hương	33	8,0	Tám chẵn	
34	Nguyễn Thị	Hương	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Cao Thị	Hương	35	8,0	Tám chẵn	
36	Lê Thị	Hường	36	8,0	Tám chẵn	
37	Trần Thị	Hường	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phạm Thị Bích	Hường	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị	Huyền	39	7,0	Bảy chẵn	
40	Nguyễn Công	Kiên	40	7,5	Bảy rưỡi	
41	Trần Thị	Lài	41	8,0	Tám chẵn	
42	Nguyễn Thị	Lan	42	8,0	Tám chẵn	
43	Nguyễn Thị	Lan	43	8,0	Tám chẵn	
44	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,5	Tám rưỡi	
45	Đinh Thị Mai	Lê	45	8,0	Tám chẵn	
46	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	7,5	Bảy rưỡi	
47	Trần Thị Thanh	Loan	47	8,0	Tám chẵn	
48	Trần Thị Hải	Lý	48	8,0	Tám chẵn	
49	Lê Thị	Mai	49	8,0	Tám chẵn	
50	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Trần Thị Hoài	Nam	51	7,5	Bảy rưỡi	
52	Tô Thị	Nga	52	8,0	Tám chẵn	
53	Phạm Thị Thanh	Nga	53	7,5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	Không đủ ĐK dự thi		
55	Bùi Đình	Nhân	55	7,5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị	Nhung	56	7,0	Bảy chẵn	
57	Trần Thị	Ninh	57	8,0	Tám chẵn	
58	Phan Thị Mai	Phương	59	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
59	Võ Đức	Tài	60	8,0	Tám chẵn	
60	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	8,5	Tám rưỡi	
61	Trần Thị Thanh	Tâm	62	8,0	Tám chẵn	
62	Phan Anh	Thắng	63	8,5	Tám rưỡi	
63	Lê Hoài	Thơm	64	8,5	Tám rưỡi	
64	Trần Th Hoài	Thu	65	7,5	Bảy rưỡi	
65	Vũ Thị Huyền	Thương	66	7,5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Thị	Thúy	67	8,0	Tám chẵn	
67	Hà Thị Phan	Thủy	68	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Thu	Thủy	69	Không đủ ĐK dự thi		
69	Lê Hữu	Tiến	70	7,0	Bảy chẵn	
70	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	8,0	Tám chẵn	
71	Lê Thị	Vân	72	7,5	Bảy rưỡi	
72	Trần Thế	Vinh	73	Không đủ ĐK dự thi		
73	Hồ Thị	Xuân	74	8,0	Tám chẵn	
74	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	8,0	Tám chẵn	
75	Lê Thị	Thủy	76	8,0	Tám chẵn	
76	Lê Thị	Hải	77	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 76 học viên

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyễn Trọng Tứ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
TỈNH HÀ TĨNH

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ; KINH TẾ CHÍNH TRỊ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS	Kinh tế chính trị	
1	Nguyễn Thị	An	01	7,5	7,5	
2	Nguyễn Phong	An	02	8,0	8,0	
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	8,0	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	7,75	7,5	
5	Hoàng Văn	Châu	05	8,5	8,5	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	7,0	7,5	
7	Trần Quang	Đạt	07	8,5	8,5	
8	Hà Văn	Đề	08	7,5	7,5	
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	8,5	
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,5	7,5	
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	6,75	8,5	
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	7,5	7,5	
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	8,0	7,5	
14	Đặng Thị	Giang	15	8,0	8,5	
15	Võ Thị Thu	Giang	16	8,5	8,0	
16	Nguyễn Văn	Giang	17	8,0	7,5	
17	Cao Thị Hương	Giang	18	7,75	7,5	
18	Nguyễn Đức	Hà	19	8,0	8,5	
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,5	8,0	
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	7,75	8,0	
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	7,5	
22	Lê Thanh	Hải	23	8,0	8,0	
23	Lê Thị	Hiên	24	8,5	7,5	
24	Trần Thị Thúy	Hiền	25	7,5	7,5	
25	Trần Thị	Hiền	26	7,5	8,0	
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	7,5	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS	Kinh tế chính trị	
27	Võ Thị	Hoa	28	7,5	7,0	
28	Dương Thị	Hoa	29	8,5	7,5	
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	8,0	8,0	
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	8,0	7,5	
31	Phan Đình	Hợp	32	8,0	7,5	
32	Trần Thị	Hương	33	7,5	8,0	
33	Nguyễn Thị	Hương	34	7,5	8,0	
34	Cao Thị	Hương	35	7,3	6,0	
35	Lê Thị	Hường	36	8,5	8,0	
36	Trần Thị	Hường	37	8,0	7,5	
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	7,5	7,5	
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,5	7,5	
39	Nguyễn Công	Kiên	40	8,0	7,5	
40	Trần Thị	Lài	41	8,0	7,5	
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,5	8,0	
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,0	8,0	
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,5	8,5	
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	7,5	8,0	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	8,0	8,0	
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	8,0	8,0	
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,0	8,0	
48	Lê Thị	Mai	49	8,0	6,0	
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	8,5	7,5	
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	8,5	8,5	
51	Tô Thị	Nga	52	8,0	7,5	
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	7,5	8,0	
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	8,5	8,5	
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,5	8,0	
55	Trần Thị	Nhung	56	8,0	7,5	
56	Trần Thị	Ninh	57	8,0	8,0	
57	Phan Thị Mai	Phương	59	8,0	8,0	
58	Võ Đức	Tài	60	8,0	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS	Kinh tế chính trị	
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	8,5	8,0	
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	8,0	7,5	
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	8,5	
62	Lê Hoài	Thơm	64	7,75	8,0	
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,5	7,5	
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	7,75	7,5	
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	7,75	7,5	
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	7,5	8,0	
67	Lê Hữu	Tiến	70	7,75	6,0	
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	7,75	7,5	
69	Lê Thị	Vân	72	7,75	7,5	
70	Trần Thế	Vinh	73	8,0	7,5	
71	Hồ Thị	Xuân	74	8,0	7,5	
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	8,0	7,5	
73	Lê Thị	Thủy	76	8,0	7,5	
74	Lê Thị	Hải	77	8,5	8,0	
75	Lê Xuân	Hải	78	7,5	8,5	
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	8,0	8,0	
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,5	7,5	
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	7,75	7,5	
79	Võ Thị	Thủy	82	8,0	7,5	

Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM	TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Thủy	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyễn Trọng Tứ